

PTN/Số: HA.26.05259

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 06 năm 2026

PYC.260609.10

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN AN TOÀN VÀ MÔI TRƯỜNG SÀI GÒN**
- Tên khách hàng: **CÔNG TY TNHH FASHY (VIỄN ĐÔNG)**
Cụm May Mặc Phường Tân Hiệp, Đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp,
Thành Phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
- Loại mẫu: Không khí

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ
HA.26.05259	Khu viên ngoài	401992; 1212696

- Ngày lấy mẫu: 09/06/2026 Thời gian thử nghiệm: 09/06/2026 - 30/06/2026
- Ngày trả kết quả: 30/06/2026
- Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện /Phạm vi đo
1	Tiếng ồn ^(*)	dBA	TCVN 7878-2:2018	TCVN 7878-2:2018	30 – 130 dBA
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(*)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	TCVN 5067:1995	30 µg/Nm ³

- Kết quả thử nghiệm:

Kết quả thử nghiệm	Thông số	
	Độ ồn	Bụi
	dBA	mg/Nm ³
HA.26.05259	34,6	<0,09
QCVN 26:2010/BTNMT	6h – 21h: 70 21h – 6h: 55	--
QCVN 05:2023/BTNMT Trung bình 1 giờ	--	0,3

Ghi chú:^(*): Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts

KPH: Không phát hiện

QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

QCVN 05:2023/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí

Phòng Thử Nghiệm



ThS. Tạ Duy Phụng



- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

PTN/Số: HA.26.05260

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 06 năm 2026

PYC.260609.10

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN AN TOÀN VÀ MÔI TRƯỜNG SÀI GÒN**
2. Tên khách hàng: **CÔNG TY TNHH FASHY (VIỄN ĐÔNG)**
Cụm May Mặc Phường Tân Hiệp, Đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp,
Thành Phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
3. Loại mẫu: Không khí

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ
HA.26.05260	Khu vực trong xưởng	401973; 1212717

4. Ngày lấy mẫu: 09/06/2026

Thời gian thử nghiệm: 09/06/2026 - 30/06/2026

5. Ngày trả kết quả: 30/06/2026

6. Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện /Phạm vi đo
1	Nhiệt độ ^(*)	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	QCVN 46:2022/BTNMT	0 – 50°C
2	Độ ẩm ^(*)	%	QCVN 46:2022/BTNMT	QCVN 46:2022/BTNMT	10 – 95 %RH
3	Tiếng ồn ^(*)	dBA	TCVN 7878-2:2018	TCVN 7878-2:2018	30 – 130 dBA
4	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(*)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	TCVN 5067:1995	30 µg/Nm ³

7. Kết quả thử nghiệm:

Bảng 1:

Kết quả thử nghiệm	Thông số	
	Nhiệt độ	Độ ẩm
	°C	%
HA.26.05260	28,1	72,5
QCVN 26:2016/BYT	18 – 32	40 – 80

Bảng 2:

Kết quả thử nghiệm	Thông số	
	Độ ồn	Bụi
	dBA	mg/Nm ³
HA.26.05260	43,8	0,52
QCVN 24:2016/BYT	≤ 85	—
QCVN 02:2019/BYT	—	8

Ghi chú: () Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts*

KPH: Không phát hiện

QCVN 24:2016/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc

QCVN 26:2016/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc

QCVN 02:2019/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc

Phòng Thử Nghiệm**ThS. Tạ Duy Phương****Giám Đốc Kỹ Thuật****Thái Lê Nguyên**

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc

2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh

3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

PTN/Số: HA.26.05261-05262

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 06 năm 2026

PYC.260609.10

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN AN TOÀN VÀ MÔI TRƯỜNG SÀI GÒN**2. Tên khách hàng: **CÔNG TY TNHH FASHY (VIỄN ĐÔNG)**Cụm May Mặc Phường Tân Hiệp, Đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp,
Thành Phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

3. Loại mẫu: Nước thải

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	Phương pháp lấy mẫu	Tình trạng mẫu
HA.26.05261	Nước thải đầu vào	402044 1212709	TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 5999:1995, TCVN 8880 – 2011	Ngà cặn li t
HA.26.05262	Nước thải đầu ra	402076 1212687		Trong

4. Ngày lấy mẫu: 09/06/2026

Thời gian thử nghiệm: 09/06/2026 - 30/06/2026

5. Ngày trả kết quả: 30/06/2026

6. Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	pH ^(*) (a)	--	TCVN 6492:2011	2 – 12
2	TSS ^(*) (a)	mg/L	TCVN 6625:2000	5,0 mg/L
3	BOD ₅ ^(*) (a)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	1,0 mg/L
4	COD ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	3,0 mg/L
5	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	0,02 mg/L
6	Tổng Nito ^(*) (a)	mg/L	TCVN 6638:2000	3,0 mg/L
7	Tổng Photpho ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2023	0,03 mg/L
8	Chì (Pb) ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,002 mg/L
9	Cadimi (Cd) ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,0002 mg/L
10	Asen (As) ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 3114B:2023	0,002 mg/L
11	Thủy ngân (Hg) ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 3112B:2023	0,0008 mg/L
12	Tổng dầu mỡ khoáng ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	1,5 mg/L
13	Tổng Coliform ^(*)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	1,8 MPN/100mL

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc

2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh

3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

7. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm		QCVN 40:2011/ BTNMT, Cột A Kq=1,2; Kf=1,1
			HA.26.05261	HA.26.05262	
1.	pH ^(*) (a)	--	7,1	7,2	6 – 9
2.	TSS ^(*) (a)	mg/L	31	KPH	66
3.	BOD ₅ ^(*) (a)	mg/L	16	KPH	40
4.	COD ^(*) (a)	mg/L	42	KPH	99
5.	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(*)	mg/L	23,2	0,97	6,6
6.	Tổng Nito ^(*) (a)	mg/L	42,3	<9	26,4
7.	Tổng Photpho ^(*)	mg/L	3,34	KPH	5,28
8.	Chì (Pb) ^(*) (a)	mg/L	KPH	KPH	0,132
9.	Cadimi (Cd) ^(*) (a)	mg/L	KPH	KPH	0,066
10.	Asen (As) ^(*) (a)	mg/L	KPH	KPH	0,066
11.	Thủy ngân (Hg) ^(*) (a)	mg/L	KPH	KPH	0,0066
12.	Tổng dầu mỡ khoáng ^(*) (a)	mg/L	<4,5	KPH	6,6
13.	Tổng Coliform ^(*)	MPN/100mL	240	KPH	3.000

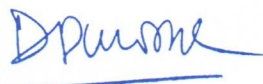
Ghi chú: ^(*): Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts

^(a): Chỉ tiêu được chứng nhận VLAT-1.0444

KPH: Không phát hiện

QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

Phòng Thử Nghiệm



ThS. Tạ Duy Phương



Giám Đốc Kỹ Thuật



Thái Lê Nguyên

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc

2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh

3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

PTN/Số: HA.26.05263

PYC.260609.10

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 06 năm 2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN AN TOÀN VÀ MÔI TRƯỜNG SÀI GÒN**2. Tên khách hàng: **CÔNG TY TNHH FASHY (VIỄN ĐÔNG)**Cụm May Mặc Phường Tân Hiệp, Đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp,
Thành Phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

3. Loại mẫu: Nước cấp

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	Phương pháp lấy mẫu	Tình trạng mẫu
HA.26.05263	Nước cấp (nước máy tại hồ chứa)	402042 1212784	TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-5:2009, TCVN 6663-3:2016, TCVN 8880 – 2011	Trong

4. Ngày lấy mẫu: 09/06/2026

Thời gian thử nghiệm: 09/06/2026 - 30/06/2026

5. Ngày trả kết quả: 30/06/2026

6. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm	QCVN 01-1:2024 /BYT
				HA.26.05263	
1.	pH ^(a)	--	TCVN 6492:2011	7,0	6,0 – 8,5
2.	DO	mg/L	TCVN 7325:2016	6,2	--
3.	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	KPH (LOD=5)	--
4.	BOD ₅ ^(a)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	KPH (LOD=1,2)	--
5.	COD ^(a)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	KPH (LOD=3,5)	--
6.	N-NO ₂ ^{-(a)}	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH (LOD=0,009)	0,9
7.	N-NO ₃ ^{-(a)}	mg/L	SMEWW 4110B:2023	0,25	11
8.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 NH ₃ -B&F:2023	KPH (LOD=0,025)	1
9.	E.Coli ^(a)	CFU/100ml	ISO 9308-1:2014	KPH (LOD=1)	< 1
10.	Coliform ^(a)	CFU/100ml	ISO 9308-1:2014	KPH (LOD=1)	< 1

Ghi chú: ^(a) : Chỉ tiêu được chứng nhận VLAT-1.0444

KPH: không phát hiện

QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phòng Thử Nghiệm**ThS. Tạ Duy Phụng****Giám Đốc Kỹ Thuật****Thái Lê Nguyên**

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc

2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh

3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu